

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Số : **106** /2009/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày **20** tháng **8** năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia số 17/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Dự trữ Nhà nước là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về dự trữ nhà nước; trực tiếp quản lý các loại hàng dự trữ được Chính phủ giao.

2. Tổng cục Dự trữ Nhà nước có tư cách pháp nhân, con dấu có hình Quốc huy, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và trụ sở tại thành phố Hà Nội; kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Tổng cục Dự trữ Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

a) Các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ; dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về dự trữ nhà nước;

b) Chiến lược, quy hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động, quy hoạch hệ thống kho, đề án, dự án quan trọng về dự trữ nhà nước;

c) Danh mục, mức dự trữ từng loại hàng, tổng mức dự trữ nhà nước và tổng mức tăng dự trữ nhà nước trong từng thời kỳ và hàng năm;

d) Kế hoạch, dự toán ngân sách dự trữ nhà nước và phương án phân bổ vốn bổ sung dự trữ nhà nước hàng năm cho các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ nhà nước;

đ) Kế hoạch đặt hàng dự trữ nhà nước tại các Bộ, ngành được Chính phủ giao trực tiếp quản lý hàng dự trữ;

e) Việc sử dụng quỹ dự trữ nhà nước để tham gia bình ổn thị trường, ổn định kinh tế vĩ mô.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định:

a) Dự thảo thông tư và các văn bản khác về dự trữ nhà nước;

b) Chế độ quản lý tài chính, ngân sách dự trữ nhà nước, cơ chế mua, bán, nhập, xuất hàng dự trữ nhà nước; chế độ thống kê, báo cáo về dự trữ nhà nước;

c) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực dự trữ nhà nước;

d) Cấp tăng vốn dự trữ nhà nước; cấp chi phí nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, cứu trợ, viện trợ, bảo hiểm hàng dự trữ nhà nước cho các Bộ, ngành, các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ nhà nước.

3. Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản quy phạm nội bộ, văn bản cá biệt thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc lĩnh vực dự trữ nhà nước sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dự trữ nhà nước.

6. Tổ chức thực hiện đặt hàng dự trữ nhà nước tại các cơ quan, đơn vị dự trữ và thực hiện ký hợp đồng bảo quản theo kế hoạch đã được phê duyệt.

7. Tổ chức quản lý, sử dụng quỹ dự trữ nhà nước theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện quản lý dự trữ nhà nước bằng tiền theo quy định của pháp luật.

8. Trực tiếp quản lý các loại hàng dự trữ nhà nước theo danh mục được Chính phủ giao:

a) Thực hiện nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ an toàn các hàng dự trữ được giao theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện xuất hàng dự trữ nhà nước để cứu trợ, cứu hộ, cứu nạn, viện trợ quốc tế hoặc sử dụng vào mục đích khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

9. Tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, trang thiết bị kỹ thuật theo chương trình, kế hoạch đã được duyệt.

10. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật dự trữ nhà nước; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, kinh phí được giao theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ vào công tác dự trữ nhà nước.

12. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý; tổ chức thực hiện công tác thống kê và chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng hàng dự trữ nhà nước.

13. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực dự trữ nhà nước theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

14. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, thi đua khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Dự trữ Nhà nước theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

15. Thực hiện cải cách hành chính theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

16. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ quan Tổng cục Dự trữ Nhà nước tại Trung ương:

- a) Vụ Chính sách và Pháp chế;
- b) Vụ Kế hoạch;
- c) Vụ Khoa học và Công nghệ bảo quản;
- d) Vụ Quản lý hàng dự trữ;
- đ) Vụ Tổ chức cán bộ;
- e) Vụ Tài vụ - Quản trị;
- g) Văn phòng;
- h) Thanh tra;
- i) Cục Công nghệ thông tin;
- k) Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ dự trữ Nhà nước.

Các tổ chức quy định từ điểm a đến điểm i khoản 1 Điều này là tổ chức hành chính giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; tổ chức quy định tại điểm k là tổ chức sự nghiệp.

2. Các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước:

- a) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hà Nội;
- b) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Tây Bắc;
- c) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hoàng Liên Sơn;
- d) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Vĩnh Phú;
- đ) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Thái;
- e) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hà Bắc;
- g) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng;
- h) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đông Bắc;
- i) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thái Bình;

- k) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hà Nam Ninh;
- l) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hoá;
- m) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghệ Tĩnh;
- n) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bình Trị Thiên;
- o) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đà Nẵng;
- p) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình;
- q) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nam Trung Bộ;
- r) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Bắc Tây Nguyên;
- s) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nam Tây Nguyên;
- t) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đông Nam Bộ;
- u) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực thành phố Hồ Chí Minh;
- v) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Cửu Long;
- x) Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Tây Nam Bộ.

3. Các Chi cục Dự trữ Nhà nước trực thuộc Cục Dự trữ Nhà nước khu vực.

Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, Chi cục Dự trữ Nhà nước có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Tổng cục Dự trữ Nhà nước có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng.

2. Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức theo quy định của pháp luật.

3. Tổng cục trưởng là người đứng đầu Tổng cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Dự trữ Nhà nước. Các Phó Tổng cục trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2009.

2. Bãi bỏ Quyết định số 270/2003/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Dự trữ quốc gia trực thuộc Bộ Tài chính.

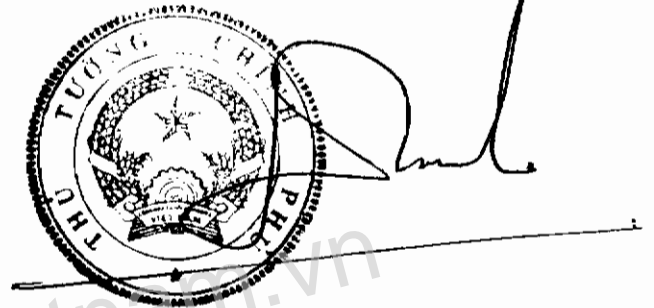
3. Số lượng Phó Tổng cục trưởng của Tổng cục Dự trữ Nhà nước được thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ cho đến khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định khác.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Dự trữ Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (10b). **295**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng